

Số: /TB-XHNV

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN).

**2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** QHX.

**3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):** số 336 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:**

- Trang thông tin của Trường ĐHKHXH&NV:

+ <https://ussh.vnu.edu.vn>

+ <https://tuyensinh.ussh.edu.vn>

- Trang mạng xã hội:

+ <https://www.facebook.com/ussh.vnu>

+ <https://www.facebook.com/tuvantuyensinh.ussh>

**5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**

0243.8583957 - 0862.155.299 (liên hệ giờ hành chính).

**6. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**

- <https://ussh.vnu.edu.vn>

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

**1.1. Đối tượng dự tuyển:**

- Người tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa bậc THPT theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

**1.2 Điều kiện dự tuyển chung:**

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Đối với thí sinh khuyết tật, khuyết tật nặng bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét vào các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

**1.3. Đối với từng ngành, từng phương thức tuyển sinh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có những quy định cụ thể.**

**2. Phương thức tuyển sinh**

Năm 2026, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN tuyển sinh theo 03 phương thức xét tuyển:

- Phương thức 301: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).
- Phương thức 401: Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (HSA) còn hiệu lực của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phương thức 100: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT.

**2.1. Phương thức 301: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**2.2. Phương thức 401: Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (HSA) còn hiệu lực của Đại học Quốc gia Hà Nội**

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực (HSA) của ĐHQGHN còn hạn sử dụng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký trên cổng đăng ký của Trường ĐHKHXH&NV (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã bài thi đánh giá năng lực dùng để xét tuyển sẽ được công bố tại thông tin tuyển sinh chính thức.

**2.3. Phương thức 100: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT**

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

*Trường ĐHKHXH&NV sử dụng các tổ hợp xét tuyển vào các ngành cụ thể như sau:*

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tổ hợp                  | Môn thi trong tổ hợp nhân 2 |
|----|--------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1  | QHX01        | Báo chí                           | 7320101              | D01, D14, D15           | Tiếng Anh                   |
| 2  | QHX02        | Chính trị học                     | 7310201              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |
| 3  | QHX03        | Công tác xã hội                   | 7760101              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |
| 4  | QHX04        | Điện ảnh và nghệ thuật đại chúng  | 72290a1              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |
| 5  | QHX05        | Đông Nam Á học                    | 7310620              | D01, D14, D15           | Tiếng Anh                   |
| 6  | QHX06        | Đông phương học                   | 7310608              | D01, D14, D15, D04      | Ngữ Văn                     |
| 7  | QHX07        | Hán Nôm                           | 7220104              | D01, D14, D15, D04, C00 | Ngữ Văn                     |
| 8  | QHX08        | Hàn Quốc học                      | 7310614              | D01, D14, D15, DD2      | Ngữ Văn                     |
| 9  | QHX09        | Khoa học quản lý                  | 7340401              | D01, D14, D15           | Tiếng Anh                   |
| 10 | QHX10        | Lịch sử                           | 7229010              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |
| 11 | QHX11        | Lưu trữ học                       | 7320303              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |
| 12 | QHX12        | Ngôn ngữ học                      | 7229020              | D01, D14, D15, C00      | Ngữ Văn                     |

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành xét tuyển   | Mã ngành, nhóm ngành | Tổ hợp             | Môn thi trong tổ hợp nhân 2 |
|----|--------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------|
| 13 | QHX13        | Nhân học                            | 7310302              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 14 | QHX14        | Nhật Bản học                        | 7310613              | D01, D06           | Ngữ Văn                     |
| 15 | QHX15        | Quan hệ công chúng                  | 7320108              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 16 | QHX16        | Quản lý thông tin                   | 7320205              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 17 | QHX17        | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 18 | QHX18        | Quản trị khách sạn                  | 7810201              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 19 | QHX19        | Quản trị văn phòng                  | 7340406              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 20 | QHX20        | Quốc tế học                         | 7310601              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 21 | QHX21        | Tâm lý học                          | 7310401              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 22 | QHX22        | Thông tin - Thư viện                | 7320201              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 23 | QHX23        | Tôn giáo học                        | 7229009              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 24 | QHX24        | Triết học                           | 7229001              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 25 | QHX25        | Văn hóa học                         | 7229040              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 26 | QHX26        | Văn học                             | 7229030              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 27 | QHX27        | Việt Nam học                        | 7310630              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 28 | QHX28        | Xã hội học                          | 7310301              | D01, D14, D15, C00 | Ngữ Văn                     |
| 29 | Dự kiến      | Quản trị nhân lực                   | 7340404              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |
| 30 | Dự kiến      | Truyền thông đa phương tiện         | 7320104              | D01, D14, D15      | Tiếng Anh                   |

*Môn thi các tổ hợp xét tuyển:*

- D01: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh;
- D04: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Trung;
- DD2: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Hàn;
- D06: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Nhật;
- D14: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử;
- D15: Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí;
- C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;

**Tổng điểm đạt được** = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3  $\times$  2)  $\times$   $\frac{3}{4}$  + Điểm khuyến khích (nếu có). Trong đó, **Điểm môn 3** là điểm của môn thi được nhân 2 đã quy định theo từng ngành tại bảng trên. **Tổng điểm đạt được** cao nhất là 30 điểm.

**Điểm xét tuyển** = Tổng điểm đạt được + điểm ưu tiên (nếu có).

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định mới nhất của Bộ GDĐT.

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm thi môn ngoại ngữ trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (nếu có nguyện vọng) sẽ được công bố chi tiết trong thông tin tuyển sinh chính thức.

Trong quá trình xét tuyển sẽ có độ chênh điểm giữa các tổ hợp xét tuyển. Trường ĐHKHXH&NV sẽ công bố khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT và phổ điểm thi theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

### 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

*(sẽ công bố sau khi được ĐHQGHN phân bổ chỉ tiêu)*

#### 4. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Theo quy định của Bộ GDĐT và theo thông báo của Trường ĐHKHXH&NV.

#### 5. Định hướng chuyên ngành

a) *Ngành Đông phương học*: Chương trình đào tạo ngành Đông phương học gồm có 3 hướng chuyên ngành: Ấn Độ học, Thái Lan học và Trung Quốc học. Sau học kỳ đầu tiên, khoa Đông phương học sẽ thực hiện chia hướng chuyên ngành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Đông phương học dựa trên nguyện vọng và kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ đầu tiên, ưu tiên các sinh viên có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ HSK và HSKK cấp độ 3 trở lên vào hướng chuyên ngành Trung Quốc học, chứng chỉ năng lực tiếng Thái vào hướng chuyên ngành Thái Lan học, chứng chỉ tiếng Anh quốc tế vào hướng chuyên ngành Ấn Độ học.

b) *Các ngành/CTĐT khác*: Chia hướng chuyên ngành cho sinh viên ở năm học thứ 4 (sinh viên lựa chọn hướng chuyên ngành theo nhu cầu chuyên môn của cá nhân và định hướng của đơn vị đào tạo), hướng chuyên ngành của từng ngành/CTĐT cụ thể như sau:

| TT | Tên ngành                        | Hướng chuyên ngành                                                                                                                                                                      |
|----|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo chí                          | - Báo chí dữ liệu;<br>- Báo chí số;<br>- Báo chí và AI;<br>- Kinh tế và quản lý báo chí-truyền thông.                                                                                   |
| 2  | Chính trị học                    | - Chính trị và Truyền thông;<br>- Hồ Chí Minh học;<br>- Quản trị Quốc gia.                                                                                                              |
| 3  | Điện ảnh và Nghệ thuật đại chúng | - Biên kịch - phê bình điện ảnh và nghệ thuật đại chúng;<br>- Sản xuất, phân phối và tiêu thụ điện ảnh và nghệ thuật đại chúng.                                                         |
| 4  | Khoa học quản lý                 | - Chính sách và quản lý cấp cơ sở;<br>- Quản lý Khoa học và công nghệ;<br>- Quản lý kinh tế;<br>- Quản lý nguồn nhân lực;<br>- Quản lý sở hữu trí tuệ;<br>- Văn hóa và đạo đức quản lý. |
| 5  | Lịch sử                          | - Khảo cổ học;<br>- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;<br>- Lịch sử Đô thị;<br>- Lịch sử Thế giới;<br>- Lịch sử Văn hóa Việt Nam;<br>- Lịch sử Việt Nam.                                   |
| 6  | Lưu trữ học                      | - Hành chính - Văn thư;<br>- Văn thư - Lưu trữ số.                                                                                                                                      |
| 7  | Nhân học                         | - Dân tộc học;<br>- Nhân học.                                                                                                                                                           |
| 8  | Ngôn ngữ học                     | - Ngôn ngữ học;<br>- Ngôn ngữ học trị liệu;<br>- Ngôn ngữ và AI;<br>- Việt ngữ học cho người nước ngoài.                                                                                |
| 9  | Quan hệ công chúng               | - Truyền thông chính phủ;<br>- Truyền thông doanh nghiệp;                                                                                                                               |

| TT | Tên ngành                           | Hướng chuyên ngành                                                                                                                                                                                                                         |
|----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                     | - Truyền thông văn hóa - nghệ thuật.                                                                                                                                                                                                       |
| 10 | Quản lý thông tin                   | - Quản trị dữ liệu và khởi nghiệp số;<br>- Quản trị và sáng tạo nội dung số.                                                                                                                                                               |
| 11 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | - Kinh tế du lịch;<br>- Quản trị lữ hành;<br>- Quản trị sự kiện.                                                                                                                                                                           |
| 12 | Quản trị văn phòng                  | - Công nghệ quản trị văn phòng;<br>- Quản trị văn phòng doanh nghiệp.                                                                                                                                                                      |
| 13 | Quốc tế học                         | - Châu Âu học;<br>- Châu Mỹ học;<br>- Nghiên cứu phát triển quốc tế;<br>- Quan hệ quốc tế.                                                                                                                                                 |
| 14 | Tâm lý học                          | - Tâm lý học lâm sàng;<br>- Tâm lý học phát triển;<br>- Tâm lý học quản lý - kinh doanh;<br>- Tâm lý học tham vấn;<br>- Tâm lý học xã hội.                                                                                                 |
| 15 | Thông tin - Thư viện                | - Nhân văn số và dịch vụ tri thức số;<br>- Thư viện số và trí tuệ nhân tạo.                                                                                                                                                                |
| 16 | Tôn giáo học                        | - Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo;<br>- Tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội.                                                                                                                                               |
| 17 | Triết học                           | - Chủ nghĩa xã hội khoa học;<br>- Lịch sử triết học và tôn giáo phương Đông;<br>- Lịch sử triết học và tôn giáo phương Tây;<br>- Triết học đạo đức và nghệ thuật;<br>- Triết học Logic;<br>- Triết học Mác-Lênin;<br>- Triết học quản trị. |
| 18 | Văn hoá học                         | - Công nghiệp văn hóa;<br>- Kinh tế di sản;<br>- Nghiên cứu văn hóa;<br>- Quản trị văn hóa.                                                                                                                                                |
| 19 | Văn học                             | - Folklore và văn hóa đại chúng;<br>- Lý luận Văn học;<br>- Văn học nước ngoài;<br>- Văn học Việt Nam.                                                                                                                                     |

c) Các ngành/CTĐT không chia hướng chuyên ngành gồm có: Công tác xã hội, Đông Nam Á học, Hán Nôm, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Quản trị khách sạn, Việt Nam học, Xã hội học.

## 6. Thông tin tuyển sinh chương trình đào tạo thứ 2 (bằng kép)

- Sinh viên chính quy của Trường ĐHKHXH&NV có cơ hội học thêm một ngành thứ hai là một trong các ngành sau:

+ Các ngành của Trường ĐHKHXH&NV:

| STT | Ngành                            | STT | Ngành                               | STT | Ngành                |
|-----|----------------------------------|-----|-------------------------------------|-----|----------------------|
| 1   | Báo chí                          | 10  | Lịch sử                             | 19  | Quốc tế học          |
| 2   | Chính trị học                    | 11  | Lưu trữ học                         | 20  | Tâm lý học           |
| 3   | Công tác xã hội                  | 12  | Ngôn ngữ học                        | 21  | Thông tin - Thư viện |
| 4   | Điện ảnh và Nghệ thuật đại chúng | 13  | Nhân học                            | 22  | Tôn giáo học         |
| 5   | Đông Nam Á học                   | 14  | Quan hệ công chúng                  | 23  | Triết học            |
| 6   | Đông phương học                  | 15  | Quản lý thông tin                   | 24  | Văn hóa học          |
| 7   | Hán Nôm                          | 16  | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 25  | Văn học              |
| 8   | Hàn Quốc học                     | 17  | Quản trị khách sạn                  | 26  | Việt Nam học         |
| 9   | Khoa học quản lý                 | 18  | Quản trị văn phòng                  | 27  | Xã hội học           |

+ Các ngành của các trường thành viên trong ĐHQGHN:

Ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, ngành Ngôn ngữ Nhật, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Ngành Luật học của Trường Đại học Luật.

Ngành Sư phạm Ngữ văn (áp dụng với sinh viên ngành Văn học); ngành Sư phạm Lịch sử (áp dụng với sinh viên ngành Lịch sử) của Trường Đại học Giáo dục.

- Sinh viên chính quy của các trường trong Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật, Trường Quốc tế, Trường Đại học Giáo dục, Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật, Trường Đại học Kinh tế) có cơ hội học thêm một ngành tại Trường ĐHKHXH&NV như sau:

| STT | Ngành            | STT | Ngành                               | STT | Ngành                |
|-----|------------------|-----|-------------------------------------|-----|----------------------|
| 1   | Báo chí          | 10  | Lưu trữ học                         | 19  | Tâm lý học           |
| 2   | Chính trị học    | 11  | Ngôn ngữ học                        | 20  | Thông tin - Thư viện |
| 3   | Công tác xã hội  | 12  | Nhân học                            | 21  | Tôn giáo học         |
| 4   | Đông Nam Á học   | 13  | Quan hệ công chúng                  | 22  | Triết học            |
| 5   | Đông phương học  | 14  | Quản lý thông tin                   | 23  | Văn hóa học          |
| 6   | Hán Nôm          | 15  | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 24  | Văn học              |
| 7   | Hàn Quốc học     | 16  | Quản trị khách sạn                  | 25  | Việt Nam học         |
| 8   | Khoa học quản lý | 17  | Quản trị văn phòng                  | 26  | Xã hội học           |
| 9   | Lịch sử          | 18  | Quốc tế học                         |     |                      |

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của cả hai ngành sẽ được nhận hai bằng cử nhân chính quy.

- Điều kiện để đăng ký học bằng kép:

+ Ngành học chính của chương trình đào tạo thứ hai phải khác ngành học chính của chương trình đào tạo thứ nhất;

+ Đã học ít nhất hai học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất;

+ Điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,5 trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ

đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,0 trở lên và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

+ Sinh viên có đơn xin học thêm chương trình đào tạo thứ hai và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của đơn vị đào tạo.

### **7. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

*Tham khảo điểm trúng tuyển các năm khác tại website: <https://tuyensinh.ussh.edu.vn>*

#### **Cán bộ kê khai**

Họ và tên: Bùi Xuân Tùng

Điện thoại: 0243 8583957/0862155299

Email: [tuyensinh@ussh.edu.vn](mailto:tuyensinh@ussh.edu.vn)

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

#### **Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Hội đồng trường (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Lưu: VT, ĐT&CTNH.

**PGS.TS Đặng Hồng Sơn**